

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2019/DS-ST

Ngày: 30/5/2019

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mẫn

2. Ông Phan Ngọc Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trương Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 04 năm 2019.

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower số 109, đường T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật ông Phạm Doãn S – Chức vụ : Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thủ T – Chức vụ: Chuyên viên KHCN Phòng khách hàng – Chi nhánh H (Có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Ông Huỳnh Minh Đ - Sinh năm: 1969 (Vắng mặt).

Bà Khúc Thị M – sinh năm: 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B, người đại diện theo ủy quyền ông Trần Thủ T trình bày:

Vào ngày 26/4/2014 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B và ông Đ - bà M có thỏa thuận ký kết hợp đồng vay vốn số 039607700014 /LienVietPostBank- HG với số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng. Thời hạn vay là 11 tháng, lãi suất thỏa thuận 13,5 %/năm nhưng có điều chỉnh tại thời điểm giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ông Đ - bà M có trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B khoản nợ gốc là 1.551.054 đồng, nợ lãi là 2.831.250 đồng và sau đó không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận. Tính đến ngày 29/03/2015 khoản vay trên đã quá hạn. Phía Ngân hàng cũng đã thông báo nhắc nhở ông Đ - bà M thực hiện nghĩa vụ nhưng ông bà cố tình trốn tránh và Ngân hàng cũng không còn liên lạc được với ông Đ - bà M. Xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng bị xâm phạm nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ - bà M giao trả khoản tiền gốc còn nợ là 48.448.949 đồng và khoản tiền lãi tạm tính đến ngày 30/5/2019 là 41.279.530 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu ông Đ - bà M phải trả khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà đã được các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Ông Đ - bà M không thể hiện bản tự khai.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và các đương sự trong vụ án được thực hiện đúng trình tự thủ tục do pháp luật tố tụng dân sự quy định. Tuy nhiên, thẩm phán chưa chủ động trong việc giải quyết án, còn vi phạm về thời hạn giải quyết.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng số 039607700014/LV PostBank – HG được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B với ông Đ - bà M là hợp pháp nên có đủ căn cứ để xác định ông Đ - bà M nợ Ngân hàng khoản nợ gốc là 48.448.949 đồng và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 30/5/2019 là 41.279.530 đồng. Ngoài ra, buộc ông Đ – bà M liên đới giao trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B khoản nợ lãi phát sinh tính từ ngày 31/5/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận thể hiện trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Về án phí: Buộc bà M - ông Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Minh Đ và bà Khúc Thị M giao trả số tiền vay gốc 48.448.949 đồng và lãi suất tạm tính đến ngày 30/5/2019 là 41.279.530 đồng nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự được quy định tại khoản 3 - Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và ông M, bà Đ có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại Khoản 1 - Điều 35; điểm a – Khoản 1 – Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Ông Huỳnh Minh Đ và bà Khúc Thị M với tư cách là bị đơn trong vụ kiện. Tòa án đã tiến hành tổng đạt và thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố

tụng theo quy định của pháp luật gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đ – bà M vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt ông Đ - bà M là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 227; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B về việc buộc ông Đ - bà M giao trả số tiền gốc là 48.448.949 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/5/2019 là 41.279.530 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 89.728.479 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu ông Đ, bà M phải thanh toán khoản nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tính từ ngày 31/5/2019 cho đến khi ông Đ - bà M thanh toán xong nợ cho Ngân hàng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía Ngân hàng Thương mại cổ phần B đã cung cấp hợp đồng tín dụng số 039607700014/ LV PostBank – HG đã được các bên ký kết ngày 26/4/2014 và bản kê chi tiết tính lãi. Phía ông Đ, bà M không có văn bản nào phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B nên yêu cầu khởi kiện trên của Ngân hàng Thương mại cổ phần B là có cơ sở. Xét hợp đồng tín dụng 039607700014/LV PostBank- HG đã được các bên ký kết đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp đồng vay trên được xem là hợp pháp. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà phía Ngân hàng cung cấp đã thể hiện ông Đ - bà M có nhận số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng. Đến ngày 28/03/2015, ông Đ – bà M cũng đã thanh toán cho phía Ngân hàng số nợ gốc là 1.551.054 đồng và khoản nợ lãi là 2.831.250 đồng. Và kể từ thời điểm này, ông Đ – bà M đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận nên ông Đ – bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Căn cứ Điều 91; Điều 93; Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh, chứng cứ và giao nộp chứng cứ của đương sự; Điều 471, Điều 474; Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay, lãi suất cho vay; Khoản 02 - Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, quy định về việc thỏa thuận lãi suất trong hoạt động kinh doanh tín dụng. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B, buộc ông Đ - bà M thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần B tổng nợ gốc là 48.448.949 đồng và nợ lãi là 41.279.530 đồng (Tạm tính đến ngày 30/05/2019). Tổng cộng gốc và lãi ông Đ – bà M phải trả là 89.728.479 đồng. Ngoài ra, ông Đ bà M còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 31/5/2019, theo mức lãi suất đã được thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 039607700014/LVPostBank – HG cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng.

[3] Về án phí:

- Về án phí: Áp dụng Khoản 1 - Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 - Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 89.728.479 đồng x 5% = 4.486.423 đồng (Làm tròn là 4.486.000 đồng).

Do yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần B được chấp nhận nên ông Đ – bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.486.000 đồng

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.238.000 đồng theo biên lai thu tiền số 02789 ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 – Điều 26; điểm a - Khoản 1 - Điều 35, điểm a - Khoản 1 - Điều 39; Khoản 1 - Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 - Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào điểm d - Khoản 2 – Điều 9; Điều 471; Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Buộc Ông Huỳnh Minh Đ và bà Khúc Thị M giao trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền nợ gốc là 48.448.949 đồng (Bốn mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi tám nghìn, chín trăm bốn mươi chín đồng) và nợ lãi tạm tính đến ngày 30/5/2019 là 41.279.530 đồng (Bốn mươi một triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm ba mươi đồng).

Ngoài ra, ông Đ và bà M còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 039607700014/LVPostBank –HG ngày 26/4/2014 tính từ ngày 31/5/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ theo thông báo của Ngân hàng.

2. Về án phí: Buộc ông Huỳnh Minh Đ và bà Khúc Thị M nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 4.486.000 đồng (Bốn triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.238.000 đồng (Hai triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 02789 ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày. Đương sự có mặt được tính kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tính từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Cẩm Hương